

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 23 – 12 - 2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hoàng Việt

Ông Đặng Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “*ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Khuru Bích N**, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: khóm 3, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà V.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: khóm 2, phường 1, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũn như tại phiên tòa, nguyên đơn Khuru Bích N trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 2002 bà và ông Huỳnh Văn H do quen biết và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố T, tỉnh T. Thời gian đầu cuộc sống của ông bà hạnh phúc và sinh được một người con tên Huỳnh Văn H2, sinh ngày 17/6/2002. Thời gian sau do ông H có tính cờ bạc không lo làm ăn nên dần dần giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, ông H nhiều lần vì cờ bạc mà thiếu nợ, cầm cố tài sản dẫn đến kinh tế gia đình luôn khó khăn, cháu H2 vì vậy mà bỏ học đi làm từ khi cháu 16 tuổi. Bà và cháu H nhiều lần khuyên can ông H bỏ

cờ bạc nhưng ông H chỉ bỏ được thời gian ngắn rồi lại tiếp tục và ngày càng trầm trọng hơn. Ông bà đã sống ly thân từ hơn 4 năm nay. Bà nhận thấy không thể hàn gắn được vì không có tương lai do ông H không thể khắc phục được tệ nạn cờ bạc, bà cũng không còn tình cảm gì với ông H nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có một đứa con chung tên Huỳnh Văn H2, sinh ngày 17/6/2002. Do con chung đã trưởng thành và tự lo cho cuộc sống nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày và có yêu cầu như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Khuru Bích N về những mâu thuẫn xảy ra, do ông ham chơi cờ bạc và có cầm xe vài lần nên bà N giận hờn rồi yêu cầu ly hôn, nhưng ông còn tình cảm với bà Nga và hứa sửa lỗi lầm. Ông yêu cầu Hội đồng xét xử cho vợ chồng ông đoàn tụ.

- Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Khuru Bích N và ông Huỳnh Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Khuru Bích N, nhận thấy: Qua lời trình bày của bà N và ông H thể hiện mâu thuẫn giữa bà Nga và ông H xuất phát do lỗi của ông H gây ra và kéo dài nhiều năm nhưng ông H không sửa đổi. Nay qua quá trình hòa giải, động viên nhiều lần trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà N và ông H đã ly thân nhiều năm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện tại bà N không còn niềm tin và tình cảm gì với ông H, bản thân ông H không đưa ra được giải pháp thuyết phục bà N. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H là trầm trọng, gia đình không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xét thấy yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung đã trưởng thành nên Tòa không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ: Các đương sự tự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Khuru Bích N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Khuru Bích N

Cho bà Khuru Bích N được ly hôn với ông Huỳnh Văn H

Về con chung đã trưởng thành nên Tòa không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ: Các đương sự tự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Khuru Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên bà N không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND p1
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang